

Số: 1364/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN
NĂM 2016**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh
- Vốn điều lệ : 369.991.240.000 đồng (Ba trăm sáu chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (31/12/2016): 421.525.491.640 đồng (Bốn trăm hai mươi một tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng).
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.33) 3825 220
- Fax : (84.33) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Mã cổ phiếu : NBC

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, tiền thân là Mỏ than Núi Béo được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thỏa thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lầm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là: ≈ 32 triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m^3 và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 $m^3/tấn$. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Vĩa 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Vĩa 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Vĩa 14 đã xúc gầu đất đầu tiên.

** Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*


- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vịn vịn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vĩa 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vĩa 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989- 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng \approx 30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

**Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với tên mã chứng khoán là: "NBC" 

d) Tăng vốn điều lệ: Công ty đã 04 lần tăng vốn điều lệ, từ 60 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) như hiện nay. Trong đó: ⁽¹⁾Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn tích lũy (280 tỷ đồng), phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu (30 tỷ đồng).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).
- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).
- Phá dỡ (4311).
- Chuẩn bị mặt bằng (4312).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).
- Điều hành tua du lịch (7912).
- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).
- Lắp đặt hệ thống điện (4321).
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (3320).
- Sản xuất chuyển tải và phân phối điện (chi tiết: Quản lý vận hành đường dây tải điện, trạm biến áp đến 110 KV (3510).
- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: Tư vấn quản lý dự án đầu tư, tư vấn lựa chọn nhà thầu (7020).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điều khiển công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình khai thác mỏ; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật (7110).
- Thoát nước và xử lý nước thải (chi tiết: quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải (3700).

b) Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

- Mô hình tổ chức của Công ty là mô hình Công ty cổ phần, trong đó: HĐQT gồm 5 thành viên; Ban kiểm soát có 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty thiết lập và ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT, gồm: Ban Giám đốc Công ty có 06 người (01 Giám đốc, 04 Phó giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng) và 15 phòng chức năng, 01 ban quản lý dự án hầm lò, 01 trạm y tế.

- Công ty có 14 đơn vị sản xuất chính: 12 Công trường, phân xưởng sản xuất than lộ thiên; 02 công trường khai thác than hầm lò.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, trong đó:

- Sản xuất hàng năm của Công ty thực hiện theo định hướng của Tập đoàn, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, kế hoạch điều hành SXKD 5 năm (2016-2020) của Công ty theo nguyên tắc sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tập đoàn và của Công ty.

- Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt quá trình điều hành kế hoạch kinh doanh 5 năm của Công ty là vừa phải khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng thành công dự án khai thác than hầm lò, đảm bảo tuyệt đối an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, ổn định việc làm và đời sống người lao động.

- Trong chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2013 đến năm 2020 thì giai đoạn 2015 - 2018 là khó khăn nhất, Công ty khai thác than với sản lượng thấp làm ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro

Ngoài các rủi ro về cơ chế chính sách, hội nhập..., trong SXKD, xây dựng dự án hầm lò Công ty còn có một số rủi ro chính sau:

6.1. Huy động vốn: Dự án khai thác than hầm lò có tổng giá trị đầu tư là 5.300 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu của Công ty mới có 420 tỷ đồng. Do đó trong thời gian tới Công ty cần huy động vốn từ các nhà đầu tư hoặc vay thương mại của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

6.2. Nguồn nhân lực: Việc chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Công ty từ khai thác lộ thiên sang khai thác than hầm lò là chưa có tiền lệ, Công ty phải đối mặt với việc dư thừa lao động lộ thiên thiếu lao động sản xuất than hầm lò.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	8.500	7.192	85
-	Đất sản xuất	"	8.500	7.192	85
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"			-
2	Đào lò tổng số	Mét	1.340	2.147	160

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
-	Đào lò XDCB	"	1.340	2.147	160
-	Lò CBSX	"			-
3	Than NK sản xuất	10 ³ Tấn	1.000	909	91
-	Than lộ thiên	"	1.000	901	90
-	Than hầm lò (XDCB)	"		8	-
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	1.004	1.060	106
-	Than sạch từ than NK	"	704	600	85
-	Than sạch từ SPNT	"	300	460	153
5	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.205	1.301	108
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	739	830	112
7	Doanh thu	Tỷ đồng	1.259	1.232	98
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	22	49	227
9	Lao động	Người	2.072	2.028	98
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/ng.th	7.032	7.960	113

* Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2016, là năm thứ 02 Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai dự án khai thác than hầm lò, do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết mưa bão kéo dài, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách cơ bản hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2016 Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ
1	Ngô Thế Phiệt	01/04/1968	P. Bạch Đằng, Hạ	Kỹ sư khai thác mỏ,	0

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ
			Long, Q Ninh	Giám đốc	
2	Nguyễn Tuấn Dũng	06/12/1968	P. Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	4.541
3	Mai Quảng Thái	10/09/1977	P. Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	1.208
4	Trần Quốc Tuấn	22/08/1968	P. Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	0
5	Lê Văn Giang	09/09/1962	P. Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, cơ điện, Phó Giám đốc	6.061
6	Nguyễn Thị Tâm	14/08/1971	P. Hồng Hà, Hạ Long, QN	Thạc sỹ QTKD, KTT	1.182

2.2. Những thay đổi trong Lãnh đạo điều hành Công ty: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2016 là: 2028 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 271 người, công nhân là: 1.757 người.

- Trong năm, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập của người lao động ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Công tác Đầu tư – XD CB

a) Khai thác than lộ thiên: Năm 2016, giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ khai thác than lộ thiên thực hiện 15,465 tỷ đồng, đạt 74,16% kế hoạch. Cụ thể: Công trình xử lý nước thải để phục vụ sinh hoạt; Công trình đầu tư mới và SCPH thiết bị phục vụ sản xuất; thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với dự án nhà ở công nhân Hàm lò; Tổ chức lập và trình phê duyệt xong Quy hoạch tổng mặt bằng kèm theo phương án kiến trúc dự án văn phòng làm việc và nhà chung cư tại khu đất CKHG cũ....

b) Dự án hầm lò: Công ty đã triển khai thực hiện dự án hầm lò theo kế hoạch được Tập đoàn và Đại hội cổ đông phê duyệt, các hạng mục công trình đã được đẩy nhanh được tiến độ: Khối lượng đào lò XD CB cả năm thực hiện 2.147/1.850m, đạt 116% kế hoạch điều chỉnh, trong đó tự làm 1.079 m, đạt 149,72% kế hoạch; Tổng giá trị đầu tư xây dựng 798,91 tỷ đồng. Trong đó: phần xây dựng 338,39 tỷ đồng; phần thiết bị 381,80 triệu đồng; phần quản lý, tư vấn là 78,72 tỷ đồng.

c. Về khối lượng thực hiện

*Phân xây dựng

- Đào lò XDCB: thực hiện năm/KH: 2.147m/1850m (đạt 116% kế hoạch). Trong đó thuê ngoài 1.068m/1000m; tự làm: 1.079m/850m.

Lũy kế thực hiện là 3.696 mét. Cụ thể từng năm như bảng dưới đây:

TT	Công trình	Tổng số (m)	Năm 2012 (m)	Năm 2013 (m)	Năm 2014 (m)	Năm 2015 (m)	năm 2016 (m)
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo	3.696	114	288	535	612	2.147

- Xây dựng trong lò khác: Lắp đặt xong cốt giềng, đường ống, đường cáp điện trong giềng đứng phụ.

- Xây dựng mặt bằng: Thi công Nhà hành chính sinh hoạt; Nhà nồi hơi; Trạm phát điện diesel; Nhà trục giềng phụ; Bể nước sinh hoạt; Trạm biến áp 630 kVA-6/0,4kV.

* Phân thiết bị

- Đã thực hiện cung cấp, lắp đặt: Băng tải B1000, B800; Máng cào Q \geq 80T/h; khởi động từ; Bơm ngâm phòng nổ; bơm nước phòng nổ; máy ngắt cao thế phòng nổ;

- Đang thực hiện (chuyển tiếp 2016-2018): Hệ thống thiết bị trục tải, tháp giềng: đã chế tạo tại xưởng của nhà thầu SIEMAG TECBERG hệ thống thiết bị trục tải, tháp giềng phụ; lô hàng lần 1 đã ở Cảng Hải Phòng, đang làm thủ tục thông quan (với giá trị khối lượng lô hàng ước tính $\frac{1}{2}$ giá trị khối lượng cho giềng phụ).

- Đang thực hiện (chuyển tiếp 2016-2017): Thiết bị nhà hành chính sinh hoạt; Thiết bị nồi hơi; Mô nô ray và thiết bị vận chuyển mini; Thiết bị lò chợ giá xích 41101; Máy biến áp trong lò 630kVA; Trạm biến áp mặt bằng 630kVA; Khởi động từ; Biến áp chiếu sáng; Thiết bị văn phòng; Hệ thống điện thoại nội bộ (trong lò); thiết bị nhà sửa chữa cơ khí.

* Phân tư vấn, quản lý dự án, khác...

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu của năm 2016.
- Làm các thủ tục triển khai các gói thầu tự thực hiện đào lò XDCB.
- Kiểm tra phiếu giá, làm thủ tục thanh toán cho các nhà thầu theo quy định.
- Đơn đốc Tư vấn thiết kế điều chỉnh TKKT-TDT, lập TKBVTC-DT các hạng mục của dự án.

3.2. Về giá trị thực hiện

Tổng giá trị đầu tư xây dựng ước tính/KH là 801.670 triệu đồng/798.911 triệu đồng. Trong đó:

- Giá trị xây dựng là 347.688 triệu đồng

- Giá trị thiết bị là 381.809 triệu đồng. Bao gồm cả phần hệ thống thiết bị trực tải, tháp giếng của giếng phụ đang chế tạo tại xưởng của nhà thầu SIEMAG TECBERG (đã cập cảng Hải Phòng đang làm thủ tục thông quan ½ khối lượng thiết bị) ước tính là 287.613 triệu đồng.

- Giá trị phần tư vấn, quản lý dự án, khác... là 72.173 triệu đồng.

- Lũy kế thực hiện cả dự án (từ 2011 đến nay) ước tính: 1.712.723 triệu đồng.

3.3. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch, tiến độ dự án năm 2016

Nhìn chung năm 2016, Công ty đã thực hiện đảm bảo kế hoạch đầu tư xây dựng TKV giao/ thông qua cả về khối lượng và giá trị đầu tư xây dựng. Cụ thể:

- Phần xây dựng đã đáp ứng kế hoạch TKV giao. Trong đó tiến độ đào lò xây dựng cơ bản đã được đẩy nhanh, vượt kế hoạch: 2.147m/KH 1.850m đạt 116%.

- Phần thiết bị đã thực hiện đầu tư mua sắm các thiết bị chính của kế hoạch, đảm bảo việc phục vụ đào lò và chuẩn bị khai thác lò chợ khu 4 vỉa 11.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.477.198.195.648	1.896.154.360.222	28,36
Doanh thu thuần	1.366.316.293.138	1.216.124.724.486	-10,99
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59.196.095.721	39.628.635.034	-33,05
Lợi nhuận khác	7.640.955.233	9.588.740.166	25,49
Lợi nhuận trước thuế	66.837.050.954	49.217.375.200	-26,36
Lợi nhuận sau thuế	51.297.908.288	38.692.250.636	- 24,57
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6%	5,5%	-8,33

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,91	0,83	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,42	0,37	
Nợ ngắn hạn			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,78	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,86	3,50	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,52	3,34	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,92	0,64	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ SXKD/DT thuần	0,04	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 15/03/2016

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ
A	TỔ CHỨC	39	29.715.814	80,31
1	Trong nước	29	28.712.625	77,60
2	Nước ngoài	10	1.003.189	2,71
B	CÁ NHÂN	1.802	7.283.310	19,69
1	Trong nước	1.718	6.608.196	17,86
2	Nước ngoài	84	675.114	1,82
	TỔNG CỘNG	1.841	36.999.124	100,00

Công ty có 02 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty, đó là: ⁽¹⁾ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 52,9%; ⁽²⁾ Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh nắm giữ 23,81%

5.3. Tình hình thay đổi vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không thay đổi vốn điều lệ. Vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2016: Dự kiến tăng 11 tỷ đồng từ hoạt động SXKD, sau khi Công ty đã phân trích lập các quỹ, chia cổ tức cổ đông 5,5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Triển khai thực hiện các hạng mục, công trình môi trường:

a) Quan trắc môi trường định kỳ:

Phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin tiến hành quan trắc môi trường định kỳ, tần suất quan trắc 01 quý một lần để kiểm tra ảnh hưởng của khai thác đến môi trường nước, không khí, môi trường đất theo đúng quy định của báo cáo Đánh giá tác động môi trường và quan trắc môi trường làm việc 1 lần/năm (các thông số: Nồng độ bụi, khí thải, tiếng ồn, ánh sáng...). Kết quả quan trắc môi trường làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, xử lý các tiêu chuẩn vượt quá giới hạn cho phép và làm cơ sở để báo cáo định kỳ cơ quan chức năng.

- Trồng cây phủ xanh, tạo cảnh quan môi trường: Tại các khu vực bãi thải đã ngừng đổ thải, khu vực giáp khu dân cư như khu vực mặt bằng +15 Nam Công trường V11; mặt bằng, sườn tầng mức +115, +160 bãi thải Phụ Bắc, diện tích đã phủ xanh năm 2016 là: 12,9 ha.

- Ngăn ngừa bụi phát tán ra môi trường xung quanh: Thường xuyên kiểm tra hệ thống phun sương lắp tại các cụm sàng, kho than, phát hiện và khắc phục kịp thời các hệ thống phun sương bị hỏng. Việc lắp đặt và tổ chức phun sương dập bụi liên tục tại các cụm sàng đã góp phần giảm thiểu đáng kể phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

b) Vấn đề quản lý chất thải nguy hại:

+ Thông qua kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị trong Công ty và các đơn vị thuê ngoài nằm trong ranh giới quản lý, Công ty đã chấn chỉnh việc quản lý chất thải nguy hại, trang bị bổ sung biển cảnh báo CTNH, dụng cụ thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại trước khi xử lý.

+ Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Xử lý rác thải sinh hoạt: Hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển môi trường đô thị Quảng Ninh để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Nước thải công nghiệp:

Đã phối hợp với Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV thu gom, xử lý nước thải công nghiệp đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng tháng lượng nước bơm thoát nước moong khai thác gửi Ban KCM - TKV đảm bảo tiến độ và yêu cầu.

d) Việc thực hiện các quy định về thu gom, xử lý chất thải:

Xây kè ngăn đất đá trôi gây bồi lắng suối thoát nước, tạo hồ lắng: Tháng 3/2017, Công ty đã tổ chức nạo vét bùn đất hồ lắng +12 Nam Công trường V11 để ngăn đất đá trôi xuống suối thoát nước Hà Tu, giảm thiểu tối đa bùn đất gây bồi lắng suối. Tổng khối lượng bùn đất đã nạo vét: 8.200 m³.

Đắp đê chắn chân bãi thải; Đổ thải tuân theo đúng thiết kế: mặt bãi thải hướng dốc vào phía trong, hình thành hệ thống thoát nước và để lại bờ an toàn không cho nước chảy trực tiếp xuống sườn tầng. Nước được thu gom vào các hồ lắng và dẫn về Trạm xử lý nước thải để xử lý.

e) Các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế phát tán bụi, khí thải:

- Tưới đường dập bụi: Thường xuyên tổ chức tưới đường dập bụi 3 ca trong ngày các tuyến đường trong khai trường, Công ty đã đầu tư mua xe tưới đường chuyên dụng.

- Hệ thống phun sương lắp tại các cụm sàng, kho than: Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại các cụm sàng, kho than, Phân xưởng sửa chữa, vận tải và công trường trong Công ty.

- Sử dụng công nghệ tuyển huyền phù để tuyển than, tránh gây bụi và tận thu tối đa tài nguyên.

2. Kết quả thực hiện công tác BVMT năm 2016:

- Về cơ bản, Công ty đã triển khai thực hiện và hoàn thành các công việc theo kế hoạch môi trường năm 2016 đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam duyệt, các công trình môi trường đưa vào sử dụng đã đạt được những hiệu quả tích cực trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch TKV giao	Thực hiện năm 2016
	TỔNG SỐ (I + II)			17.530	17.125
I	Chi phí môi trường thường xuyên			5.580	5.448
1	Quan trắc môi trường định kỳ	Quý	4	665	667
2	Trồng cây đầu xuân, chăm sóc cây đã trồng, trồng cây phục hồi môi trường các khu vực Công trường, Phân xưởng, bãi thải...	Ha	12,9	2.400	2.354
3	Hưởng ứng các ngày môi trường: Tuần lễ nước sạch, ngày MTTG, TGSH	Đợt	1	75	75
4	Gia cố, nạo vét, vệ sinh tuyến đường, rãnh thoát nước trong và ngoài khai trường (khu vực P. Hà Trung, Hà Phong, Hà Tu)	m	1600	380	550
5	Thuê xử lý rác thải sinh hoạt	Tấn	379	130	145
6	Thuê xử lý chất thải nguy hại	Tấn	221	1.540	1.453
7	Gia cố nhà chứa CTNH, bể thu gom nước mặt nhiễm dầu	Cái	10	200	40
8	Xử lý nước thải sinh hoạt	m3	18000	20	20
9	Gia cố hệ thống phun nước dập bụi đảm bảo vệ sinh môi trường	HT	5	170	144

II	Chi phí xử lý nước thải			11.950	11.677
1	Chi phí xử lý nước thải	Năm	1	11.950	11.677

Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ Môi trường:

- Công ty luôn thực hiện theo đúng, đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ, trồng cây xanh, phun sương dập bụi, xây dựng các công trình môi trường, quản lý chất thải nguy hại... theo đúng ĐTM đã được phê duyệt.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2016 như sau:

1.1. Công tác tuyên truyền giáo dục: Trong năm toàn hệ thống chính trị của Công ty đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho người lao động hiểu rõ và chia sẻ với khó khăn chung của Tập đoàn và của Công ty, đặc biệt là người lao động đã có chuyển biến tích cực về tinh thần chuyển đổi từ lộ thiên sang hầm lò; Công ty đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, nắm bắt tâm tư nguyện vọng, diễn biến tư tưởng của người lao động từ đó có các giải pháp giải quyết kịp thời, phù hợp các kiến nghị của người lao động nên đã giữ vững được an ninh chính trị nội bộ.

1.2. Công tác điều hành sản xuất, tiêu thụ: Đối với khai thác lộ thiên. Công ty đã cải tạo, hình thành hệ thống khai thác đặc biệt là hệ thống khai thác Vía 14, duy trì được sản lượng theo kế hoạch điều chỉnh; quy hoạch, quản lý kho than và hệ thống chế biến than, giảm được lượng than tồn kho, quản lý được tài nguyên không gây thất thoát, lãng phí; đã điều hành hoàn thành vượt mức kế hoạch tiêu thụ than, tăng được giá bán than, doanh thu; đối với sản xuất hầm lò Công ty đã tổ chức tự đào được 1.079,5 m....

1.3. Quản lý kỹ thuật công nghệ, giải phóng mặt bằng, môi trường

- Thực hiện chủ trương của Tập đoàn tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Công ty đã xây dựng chương trình tiết giảm chi phí trong SXKD, trong đó có giải pháp tiết kiệm các chỉ tiêu công nghệ. Công tác quản lý kỹ thuật khai thác của Công ty về cơ bản đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, tuy nhiên do khai trường chịu ảnh hưởng của các phay phá, đứt gãy và khai thác than hầm lò của mỏ Hà Lâm nên xuất hiện một số khu vực bị tụt lún có nguy cơ mất an toàn đã được Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật và lên các phương án phòng tránh kịp thời, hiệu quả. Công ty đã lập xong và đang trình các cơ quan quản lý Nhà nước thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác lộ thiên đến năm 2019; lập xong và đang trình UBND thành phố Hạ Long xin phê duyệt quy hoạch điều chỉnh mặt bằng SCN +35 hầm lò Núi Béo....

- Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án bồi thường - GPMB; phối hợp với các Phường liên quan và thành phố Hạ Long giải quyết các kiến nghị của nhân dân, hỗ trợ sửa

chữa nhà, công trình, cây cối hoa màu do ảnh hưởng của nổ mìn, mưa bão. Cụ thể: Đã bàn giao mặt bằng 231/257 hộ của Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước vùng Hòn Gai và dự án khai thác than hầm lò Núi Béo; Đối với Dự án khu TĐC khe Cá Hà Phong cơ bản đã xong, chỉ còn 01 hộ đã bàn giao mặt bằng, nhưng còn khiếu nại, chưa nhận tiền.

- Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Thuê bổ sung xe tưới đường để thường xuyên tưới nước dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than; trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải với diện tích phủ xanh là 12,9ha; thuê Công ty TNHH ITV Môi trường-TKV thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định...

1.4. Quản trị chi phí: Năm 2016, Tập đoàn tiếp tục tiết giảm 6% chi phí theo các công đoạn sản xuất than, tương ứng với 63,7 tỷ đồng, không bổ sung chi phí các công việc phát sinh ngoài công nghệ nên ngay từ đầu năm và đặc biệt là quý IV, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu nhằm đạt mục tiêu hiệu quả kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; Thường xuyên kiểm tra kiểm soát giá trị mua và hạn mức tồn kho vật tư đảm bảo không vượt chi phí và hạn mức tồn kho Tập đoàn và Công ty giao khoán; thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và hệ số bảo toàn vốn cả năm đều đảm bảo theo kế hoạch tài chính đã ký với Tập đoàn.

1.5. Lao động, việc làm và phát triển nguồn nhân lực

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch sử dụng lao động, triển khai Chỉ thị số: 51 CTLT/TGĐ-CĐTKV ngày 22/3/2016 của TKV; Nghị quyết về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động; Trong đó, Công ty đã rà soát, bố trí, sắp xếp lại lực lượng lao động các đơn vị, phòng ban cho hợp lý, bố trí đào tạo lại nghề cho người lao động và sắp xếp dần chuyển đổi từ lộ thiên sang phục vụ hầm lò; tích cực tuyên truyền vận động để người lao động có sức khỏe yếu, lao động dôi dư do cơ cấu lại được nghỉ việc theo chế độ.

- Tổng số lao động danh sách đầu kỳ năm 2016 là 2.047 người, tăng trong kỳ 106 người, giảm trong kỳ 130 người, lao động cuối kỳ là 2.023 người; 100% CBCNLĐ Công ty có việc làm, đời sống thu nhập của người lao động ổn định.

- Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý; đào tạo, bồi dưỡng gần 530 lượt cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật đi học các lớp bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng các chuyên đề do Tập đoàn và các đơn vị ngoài Tập đoàn đào tạo, bồi dưỡng với tổng kinh phí trên 550 triệu đồng. Đào tạo lại chuyển đổi hầm lò 96 người với kinh phí: 288 triệu đồng. Phối hợp với Trường Cao đẳng nghề TKV, Công ty Cổ phần Than Hà Lâm, Công ty Xây dựng mỏ Hầm lò I trong việc tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật nghề khai thác hầm lò.

1.6. Công tác An toàn – PCCN:

- Trong năm Công ty đã kiện toàn lại bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; xây dựng và thực hiện tốt chương trình hành động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 18; công tác tự kiểm tra định kỳ được thực hiện nghiêm túc theo quy định...

- Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong năm Công ty đã xảy ra.... tai nạn lao động, làm chết 01 người là do công tác AT-VSLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ công nhân chưa cao; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị chưa chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn sự cố trong ca cần phải làm tốt hơn nữa...

1.7. Công tác An ninh trật tự: Do khai trường sản xuất xen kẽ dân cư nên công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ chống khai thác, chế biến, tiêu thụ than trái phép hết sức phức tạp. Để làm tốt công tác bảo vệ ANTT khai trường, ranh giới quản lý tài nguyên và công tác vận chuyển, tiêu thụ than, Công ty đã:

- Ký và thực hiện tốt Quy chế phối hợp với một số phòng của Công an tỉnh Quảng Ninh, Công an TP Hạ Long, công an các phường trên địa bàn.

- Ban hành và tổ chức thực hiện tốt phương án phối hợp bảo vệ ANTT, an toàn trong quá trình giao, nhận và vận chuyển than tiêu thụ; phương án bảo vệ ANTT và quản lý tài nguyên ranh giới mỏ và các quyết định, chỉ thị nhằm bảo vệ tốt ANTT, tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương các phường trên địa bàn, các cơ quan chức năng của thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện, xử lý và ngăn chặn có hiệu quả các điểm khai thác than trái phép.

Với các giải pháp như trên Công ty đã thực hiện tốt kế hoạch số 230/KH-TKV ngày 13/11/2015 của TKV về việc thực hiện chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 26/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động SXKD trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Tình hình tài chính

2.1. Công tác kế toán

- Trên cơ sở Chế độ kế toán của Nhà nước, Tập đoàn và các chuẩn mực kế toán, với phần mềm kế toán hoạt động có hiệu quả, đội ngũ làm công tác kế toán của Công ty đã thực hiện tốt việc thu thập, ghi chép, phản ánh và xử lý toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo chứng từ, sổ sách minh bạch, rõ ràng. Đã tham mưu cho lãnh đạo Công ty sửa đổi, ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ, các quy định quản lý phù hợp với chế độ chính sách của nhà nước và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Thực hiện nghiêm túc việc thu chi, kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng, số dư tiền mặt bình quân tháng trong năm 2016 luôn duy trì dưới 500 triệu đồng. Phòng đã thực hiện tốt quy định của nhà nước về chi tiền mặt đối với hàng hóa dịch vụ

(với các khoản chi mua vật tư, hàng hóa dịch vụ trên 20 triệu đồng phải thực hiện chuyển khoản). Quản lý, hạch toán theo dõi tài khoản tiền, trong năm đã kiểm tra kiểm soát chặt chẽ công tác thu chi quỹ tiền mặt, không xảy ra sai sót.

- Quản lý công nợ phải thu, phải trả: Công ty thực hiện bán sản phẩm cho Tập đoàn. Căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao, qua Công ty Kho vận Hòn Gai và Công ty Tuyển than Hòn Gai, Tập đoàn chuyển tiền than cho công ty định kỳ theo tuần, do vậy việc thu hồi công nợ của Công ty tương đối ổn định. Công ty hiện có trên 150 khách hàng cung cấp vật tư, hàng hóa, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng. Công ty không để xảy ra trường hợp nợ dầy dụa, quá hạn, thực hiện nghiêm túc các điều khoản về thanh toán đã ký với các đối tác, đảm bảo toàn bộ thuế đầu vào được khấu trừ theo. Việc tạm ứng cho các khách hàng để thực hiện hợp đồng được thực hiện đúng theo quy định, các khoản tạm ứng đều đầy đủ bảo lãnh tiền tạm ứng, bảo lãnh bảo hành.

- Đảm bảo thanh toán lương theo quy chế và chi trả lương đúng thời gian quy định đến từng người lao động qua thẻ ATM. Phối hợp tốt với các Phòng liên quan hướng dẫn, giải thích kịp thời những vướng mắc xung quanh vấn đề công, điểm, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động. Kết hợp với phòng Lao động tiền lương chuẩn bị kỹ số liệu để đối chiếu, quyết toán khoản quỹ tiền lương với Tập đoàn, đối chiếu giữa quỹ lương trích và quỹ lương chi, số dư quỹ lương. Thường xuyên đối chiếu và nộp đầy đủ các khoản Kinh phí công đoàn, đoàn phí công đoàn, các khoản nộp BHXH của người lao động.

- Phối hợp tốt với bộ phận thống kê, thủ kho vật tư để cập nhật số liệu từ phiếu nhập, xuất kho hàng ngày để kiểm tra chứng từ qua phiếu nhập, xuất kho, nên phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện theo đúng quy trình quản lý nhập, xuất, tồn kho, tham gia kiểm kê để phân loại tồn kho và định hướng xử lý vật tư tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển đến việc lập các báo cáo theo chế độ cũng như yêu cầu của công tác khoán nội bộ công ty.

- Công tác quản lý và hạch toán tài sản cố định cơ bản đã đáp ứng được quy định của chế độ hiện hành và yêu cầu quản trị nội bộ. Chứng từ, sổ sách chi tiết, tổng hợp tài sản cố định của từng phân xưởng, phòng ban. Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ. Phối kết hợp với các phòng thuộc Ban Quản lý dự án theo dõi, đối chiếu từng dự án, từng công trình, hạng mục công trình để kịp thời lập quyết toán các công trình hoàn thành. Việc quyết toán dự án đầu tư hoàn thành đã có biến chuyển tích cực.

- Công tác kiểm soát và lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý, đảm bảo tính tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước của Tập đoàn.

- Công tác thuế: Thực hiện quy định của Nhà nước về việc tự kê khai đối với tất cả các sắc thuế. Thường xuyên nghiên cứu các văn bản hướng dẫn thực hiện của Nhà nước để thực hiện nộp thuế đúng, đủ theo quy định.

2.2. Công tác tài chính

- Công ty chủ động được nguồn tiền về theo tuần từ doanh thu bán than, trên cơ sở đó cân đối thu chi tài chính hợp lý, đảm bảo sự hoạt động thông suốt, có hiệu quả của dòng tiền mà vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Quan hệ chặt

chế đối với các tổ chức tín dụng để thu xếp đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, thanh toán với nhà nước, cấp trên, bạn hàng và người lao động.

- Công ty luôn chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn. Chủ động kiểm soát chi phí lãi vay. Chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn đàm phán lãi suất vay phù hợp, điều chỉnh lãi suất linh hoạt. Thường xuyên phân tích và kiểm soát các chỉ tiêu hoạt động tài chính, các chỉ số tài chính để công ty hạn chế các rủi ro trong công tác tài chính.

- Công tác quản lý vốn dài hạn: Trong năm 2016, Công ty đã quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng để giải ngân được phần lớn khối lượng thực hiện trong năm. Tổng vốn đầu tư giải ngân được năm 2016 đạt 321 tỷ đồng phục vụ đầu tư dự án Hàm lò. Công ty luôn chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Công ty đã chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn đàm phán lãi suất vay phù hợp, lãi suất trung dài hạn đầu năm duy trì ở mức từ 9%/năm.

a) Bảng cân đối kế toán: Tại thời điểm 31/12/2016.

Tổng tài sản: Tăng 433 tỷ đồng so với năm 2015

Trong đó mức tăng chủ yếu tập trung vào các khoản mục hàng tồn kho, các khoản chi phí trả trước dài hạn, tăng tài sản hoàn thành do đầu tư xây dựng.

b) Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán:

Stt	Chỉ tiêu	Năm		So sánh	
		2015	2016	+/-	%
1	Hệ số thanh toán tổng quát	1,35	1,31	-0,04	97%
2	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	0,92	0,81	-0,11	88%
3	Hệ số thanh toán nhanh	0,4	0,36	0,04	90%
4	Hệ số thanh toán lãi vay	13,00	3,06	-9,94	24%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về công tác chỉ đạo: Công ty tiếp tục rà soát và thực hiện quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 của TKV về việc bố trí, sắp xếp lại các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than; Chỉ thị Liên tịch số 51 CTLT/TGĐ-CĐTKV ngày 22/3/2016 của Tổng giám đốc và Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam về việc tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động của TKV; Công văn số 2853/TKV-TCNS ngày 22/6/2016 về việc điều hành công tác lao động tiền lương các tháng cuối năm 2016, Công ty đã ban hành: (1) Quyết định số 4727/QĐ-VNBC ngày 29/12/2014 về việc ban hành mô hình tổ chức và định biên lao động, (2) Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Tuyển dụng, sử dụng, tái cơ cấu lực lượng lao động; (3) Tổ chức hội thảo phương án TCSX, TCLĐ năm 2017-2020 của Công ty vào ngày 18/11/2016; (4) Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 20/12/2016 về việc tổ chức sản xuất và tổ chức cán bộ năm 2017.

- Về kết quả thực hiện: Công ty đã sắp xếp lại các phòng ban tham mưu đảm bảo số đơn vị phòng ban trong Công ty phù hợp với mô hình mẫu, phù hợp với nhiệm vụ SXKD của Công ty. Tổng số lao động Công ty tiết giảm từ quý IV/2015 đến hết tháng 12/2016 là 325 lao động, bằng 132% kế hoạch TKV giao. Trong đó: Quý IV/2015, tiết giảm được 104 lao động; Năm 2016, tiết giảm 221 lao động (Giảm do chấm dứt HĐLĐ là 112 người; nghỉ hưu trước tuổi, đủ tuổi là: 21 người; đào tạo và chuyển đổi ngành nghề từ lộ thiên sang hầm lò là: 86 người; đi nghĩa vụ quân sự: 02 người).

- Ngoài ra, liên quan đến công tác tái cơ cấu, trong năm Công ty đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông, sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Điều lệ mẫu của TKV, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III năm 2016÷2021, báo cáo TKV phương án tăng vốn chia cổ phiếu thưởng, sửa đổi ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ như: Quy chế Quản lý Vật tư, Quy chế Quản lý Lao động Tiền lương, Quy chế hoạt động của HĐQT... cho phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty và các quy định của pháp luật...

- Đã rà soát sửa đổi, bổ sung ban hành lại các quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó HĐQT Công ty ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật, TKV và điều kiện SXKD của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 M ³	5.950	
2	Đào lò tổng số	m	4.050	
-	Đào lò CBSX	"	2.100	
-	Đào lò XDCB	"	1.950	
3	Than nguyên khai sản xuất	1.000 Tấn	850	
-	Lộ thiên	"	700	
-	Hầm lò	"	150	
4	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 Tấn	1.248	
-	Than sạch từ than NK	"	748	
-	Than sạch từ sản phẩm ngoài than	"	500	
5	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.248	
6	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1183,5	
7	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.518,8	
	<i>Trong đó, Doanh thu than</i>	"	1.518,8	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24,173	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
9	Lao động định mức	Người	2.407	
10	Tiền lương bình quân theo lao động định mức	1.000đ/ng/tháng	7.635	
11	Cổ tức	%	≥ 3,0	

4.2. Phương hướng, nhiệm vụ thực hiện dự án hầm lò 2017.

4.2.1. Về khối lượng thực hiện

**Phân xây dựng:*

- Đào lò XDCB: Dự kiến thực hiện 1.950m.
- Xây dựng trong lò khác: Thi công cốt giềng, đường ống, đường cáp điện trong giềng chính.
- Xây dựng mặt bằng: Hoàn thành thi công nhà hành chính sinh hoạt, nhà nồi hơi, trạm phát điện diesel trong tháng 3/2017; Tiếp tục thi công xây dựng nhà trục giềng phụ; Bắt đầu thi công tháp giềng và nhà trên miệng giềng phụ, nhà ăn ca, trạm lật gòong, trạm biến áp 35/6kV.

** Phân thiết bị*

- Hoàn thành cung cấp lắp đặt tổ hợp khai thác lò chợ 41101,
- Cung cấp, lắp đặt tổ hợp khai thác lò chợ 41102.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống vận tải, hệ thống giám sát điều khiển tập trung, các hệ thống thiết bị điện, bơm thoát nước, hệ thống monoray phục vụ để đảm bảo đủ điều kiện đưa lò chợ 41101; 41102 vào hoạt động đúng kế hoạch.
- Cung cấp, lắp đặt Trạm điện 35/6kV, 2x12500 kVA và tuyến dây 35kV được triển khai trong năm 2017.
- Cung cấp, lắp đặt Trạm phát điện diesel 2500kVA; trạm biến áp 750kVA phục vụ tổ chức thi công đào lò và cấp khí nén các thiết bị sử dụng khí nén.

** Phân tư vấn, quản lý dự án, khác*

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu của năm 2017.
- Làm các thủ tục triển khai các gói thầu tự thực hiện đào lò XDCB.
- Kiểm tra phiếu giá, làm thủ tục thanh toán cho các nhà thầu theo quy định.
- Đơn đốc Tư vấn thiết kế điều chỉnh TKKT-TDT, lập TKBVTC-DT các hạng mục của dự án.

4.2.2. Về giá trị thực hiện

Tổng giá trị đầu tư xây dựng năm 2017: 1.032.197 triệu đồng. Trong đó Giá trị xây dựng là 376.272 triệu đồng. Giá trị thiết bị là 419.524 triệu đồng. Giá trị phân tư vấn, quản lý dự án, khác... là 236.401 triệu đồng

4.3. Dự án (nhóm C): Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ đào lò xây dựng cơ bản mỏ than Núi Béo

Đã thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư theo quy định, đã thực hiện đấu thầu mua sắm một số thiết bị của dự án và đưa vào sử dụng với tổng giá trị thực

hiện/ tổng mức đầu tư là: 12.177 triệu đồng/ 23.216 triệu đồng. Trong quý I, quý II/2017 sẽ thực hiện hết những khối lượng còn lại của dự án.

4.4. Dự án (nhóm C): Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ đào lò xây dựng cơ bản mỏ than Núi Béo năm 2017: Chuẩn bị đầu tư theo quy định, bao gồm lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Giá trị dự kiến thực hiện năm 2017 là 450 triệu đồng. khi được phép đầu tư sẽ báo cáo TKV chuyển từ dự phòng lên chính thức 9.890 triệu đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: Được trình bày ở mục 1 phần II)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Với vai trò được HĐQT giao trực tiếp điều hành hoạt động, Ban Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán công trình được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT Công ty

a) Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch, chuyển Công ty từ khai thác than lộ thiên sang sản xuất than hầm lò.

b) Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất lộ thiên theo hướng gọn nhẹ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

c) Triển khai thực hiện cơ chế đặc thù của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt, trong đó có việc chuẩn bị kỹ về nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

d) Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

e) Giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

f) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng công trình dự án hầm lò để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

g) Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

h) Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Về cơ cấu nhân sự... HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và tính đến hết tháng 12/2016, HĐQT hợp 27

phiên, có 01 lần thay đổi nhân sự HĐQT Công ty do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam thay đổi người đại diện TKV tại Công ty như sau:

a) Từ ngày 28/04/2016 – 30/5/2016:

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT	2	100	
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	2	100	
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	2	100	
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên HĐQT	2	100	
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	2	100	

b) Ngày 31/05/2016:

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi theo Quyết định số 1023/QĐ-TKV ngày 23/5/2016 của TKV và Nghị quyết số 02/NQ-VNBC ngày 01/6/2016 của HĐQT Công ty: Ông Nguyễn Văn Trịnh thôi giữ chức CT HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Nguyễn Văn Dậu – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT	1	100	
2	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT	1	100	
3	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	1	100	
4	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	1	100	
5	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên HĐQT	1	100	
6	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	1	100	

c) Từ ngày 01/06/2016 đến 31/12/2016

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi. HĐQT họp 10 phiên, Thường trực HĐQT họp 03 phiên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT	13	100	03 phiên họp thường trực
2	Ngô Thế Phiệt	Ủy viên HĐQT	13	100	“
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	13	100	“
4	Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên HĐQT	10	100	
5	Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên HĐQT	10	100	

1.2. Các cuộc HĐQT:

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
I	Nhiệm kỳ II	
1	Phiên họp thứ 01 ngày 11/01/2016	<p>1. Quyết định ngày 11/01/2016 về việc: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 23 cung cấp, lắp đặt đường ống và cáp điện trong giếng đứng chính vận tải than và giếng đứng phụ vận tải vật liệu; Gói thầu số 24: Giám sát lắp đặt đường ống và cáp điện trong giếng đứng chính vận tải than và giếng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</p> <p>2. Quyết định ngày 11/01/2016 về việc: Phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 23 cung cấp, lắp đặt đường ống và cáp điện trong giếng đứng chính vận tải than và giếng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</p>
2	Phiên họp thứ 02 ngày 26/01/2016	<p>1. Quyết định số 565/QĐ-VNBC ngày 22/02/2016 về việc: Ban hành Quy chế quản lý Vật tư trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin;</p> <p>2. Nghị quyết số 01/NQ-VNBC ngày 26/01/2016 về việc: Triển khai tổ chức sản xuất phục vụ Dự án hầm lò Núi Béo.</p>
3	Phiên họp thứ 03 ngày 03/2/2016	Quyết định số 488/QĐ-VNBC ngày 03/02/2016 về việc: Phê duyệt TKBVTC-DT Nhà hành chính sinh hoạt thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
4	Phiên họp thứ 04 ngày 18/02/2016	<p>1. Thông báo số 525/TB-VNBC ngày 18/02/2016 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;</p> <p>2. Thông báo số 625/TB-VNBC ngày 25/02/2016 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;</p> <p>3. Nghị quyết số 02/NQ-VNBC ngày 18/02/2016 về việc: Chi</p>

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
		trả thù lao Thư ký HĐQT Công ty.
5	Phiên họp thứ 05 ngày 01/03/2016	1. Nghị quyết số 03/NQ-VNBC ngày 01/3/2016 về công tác cán bộ.
6	Phiên họp thứ 06 ngày 03/03/2016	1. Nghị quyết số 04/NQ-VNBC ngày 03/03/2016 về việc: Phê duyệt bổ sung một số hạng mục công trình vào thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; 2. Quyết định số 854/QĐ-VNBC ngày 04/03/2016 về việc: Phê duyệt bổ sung một số hạng mục công trình vào thiết kế cơ sở Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
7	Phiên họp thứ 07 ngày 07/03/2016	1. Quyết định số 843/QĐ-VNBC ngày 10/03/2016 về việc: Cử Giám đốc Công ty tham gia lớp bồi dưỡng, nghiệp vụ kỹ thuật an toàn do Tập đoàn tổ chức; 2. Quyết định số 953/QĐ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc: Quyết toán quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty năm 2015; 3. Quyết định số 784/QĐ-VNBC ngày 07/03/2016 về việc: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn II thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; 4. Quyết định về việc: Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 25: Xây dựng nhà hành chính sinh hoạt thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
8	Phiên họp thứ 08 ngày 17/03/2016	1. Quyết định số 956/QĐ-VNBC ngày 18/03/2016 về việc: Điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư Xây dựng Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin; 2. Quyết định số 1083/QĐ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Ban hành Quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin; 3. Nghị quyết số 05/NQ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc: Vay vốn ngân hàng SHB phục vụ dự án khai thác than hầm lò mỏ than Núi Béo; 4. Nghị quyết số 06/NQ-VNBC ngày 17/3/2016 về việc: Triển khai kết luận của Phó TGD Tập đoàn về dự án khai thác than hầm lò mỏ than Núi Béo; 5. Nghị quyết số 07/NQ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc phê duyệt TKBVTC-DT các hạng mục: Ngầm vận tải, thông gió chính +20÷ - 50; Ngầm vận tải vật liệu, đi lại, thông gió +36÷ - -30 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
		6. Nghị quyết số 08/NQ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016;
		7. Nghị quyết số 09/NQ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc: Kiện toàn Ban phòng chống tham nhũng, lãng phí tại Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;
		8. Nghị quyết số 10/NQ-VNBC ngày 17/03/2016 về việc: Thay đổi ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
9	Phiên họp thứ 09 ngày 28/3/2016	1. Quyết định 1084/QĐ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Quyết toán Quỹ tiền lương của Công ty năm 2015;
		2. Quyết định số 1086/QĐ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Phê duyệt Kế hoạch Lao động, Tiền lương năm 2016;
		3. Quyết định số 1085/QĐ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Ban hành quy chế Quản chế Quản lý Tiền lương của Công ty;
		4. Nghị quyết số 11/NQ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý điều hành ở các đơn vị, phòng ban trong Công ty;
		5. Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 28/03/2016 về công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động;
		6. Nghị quyết số 13/NQ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Giám sát quản lý điều hành quý I/2016 và phê duyệt kế hoạch SXKD quý II/2016;
		7. Nghị quyết số 14/NQ-VNBC ngày 28/03/2016 về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
10	Phiên họp thứ 10 ngày 19/04/2016	1. Nghị quyết số 15/NQ-VNBC ngày 19/04/2016 về việc: Tiếp nhận cán bộ (Ông Chu Duy Hải);
		2. Nghị quyết số 16/NQ-VNBC ngày 19/04/2016 về việc: Giới thiệu nhân sự vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (Bà Đỗ Thị Thanh Huyền);
		3. Nghị quyết số 17/NQ-VNBC ngày 19/04/2016 về việc: Phê duyệt hồ sơ mời thầu (Gói thầu 28; 30 ; 32).
11	Phiên họp thứ 11 ngày 26/04/2016	1. Nghị quyết số 18/NQ-VNBC ngày 26/04/2016 về việc: Tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ quản lý điều hành ở các đơn vị, phòng ban trong Công ty;
		2. Nghị quyết số 19/NQ-VNBC ngày 26/04/2016 về việc: Vay vốn đầu tư xây dựng dự án hầm lò;
		3. Nghị quyết số 20/NQ-VNBC ngày 26/04/2016 về việc: Thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương;
		4. Quyết định số 1547/QĐ-VNBC ngày 27/04/2016 về việc: Phê duyệt kế hoạch chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016;

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
		5. Quyết định ngày 28/4/2016 về việc: Ban hành quy chế phối hợp lãnh đạo.
II	Nhiệm kỳ III	
1	Phiên họp thứ 01 ngày 28/04/2016	Nghị quyết số 01/NQ-VNBC ngày 28/04/2016 về việc: Bầu chủ tịch HĐQT Công ty.
2	Phiên họp thứ 02 ngày 20/05/2016	Quyết định số 1856/QĐ-VNBC ngày 20/5/2016 về việc: Cử ông Lã Tuấn Quỳnh - UV HĐQT tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ do TKV tổ chức.
3	Phiên họp thứ 03 ngày 31/05/2016	Nghị quyết số 02/NQ-VNBC ngày 01/06/2016 về việc: Thay đổi nhân sự trong HĐQT (Ông Nguyễn Văn Trịnh thôi tham gia HĐQT; Ông Nguyễn Văn Đậu người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức CT HĐQT Công ty).
4	Phiên họp thứ 04 ngày 01/06/2016	<p>1. Thông báo số 2053/TB-VNBC ngày 01/06/2016 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt;</p> <p>2. Quyết định số 2054/QĐ-VNBC ngày 01/6/2016 về việc: Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;</p> <p>3. Quyết định số 2055/QĐ-VNBC ngày 01/6/2016 về việc: Phân công nhiệm trong HĐQT Công ty.</p>
5	Phiên họp thứ 05 ngày 06/06/2016	<p>1. Nghị quyết số 03/NQ-VNBC ngày 06/6/2016 về việc: Bầu thường trực HĐQT Công ty.</p> <p>2. Quyết định số 2128/QĐ-VNBC ngày 06/6/2016 về việc: Bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng 2016 Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.</p>
6	Phiên họp thứ 06 ngày 08/06/2016	<p>1. Quyết định của Thường trực HĐQT Công ty về việc: Thương ban quản lý điều hành và các cán bộ Đảng, Đoàn thể Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin;</p> <p>2. Nghị quyết số 04/NQ-VNBC của Thường trực HĐQT Công ty ngày 08/6/2016 về việc: Phê duyệt hồ sơ mời thầu (Gói thầu số 31 và gói thầu 45 Dự án hầm lò).</p>
7	Phiên họp thứ 07 ngày 06/07/2016	1. Nghị quyết số 04/NQ-VNBC ngày 06/7/2016 của Thường trực HĐQT về việc: Giám sát quản lý điều hành quý II/2016 và phê duyệt kế hoạch SXKD quý III/2016.
8	Phiên họp thứ 08 ngày 20/07/2016	1. Quyết định số 2812/QĐ-VNBC về việc: Cán bộ nghỉ việc riêng đi khám chữa bệnh tại nước ngoài.

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
9	Phiên họp thứ 09 ngày 22/07/2016 (Họp thường trực)	<p>1. Nghị quyết số 05/NQ-VNBC ngày 22/7/2016 về việc: Phê duyệt TKBVTC-DT hạng mục: Thượng vận tải trung tâm - 50 ÷ - 48 khu 4 Vía 11; Lò xuyên vỉa tâm - 50 ÷ - 48 (đường gió bản); Hầm trạm bơm mức - 50 và lò chứa nước - 50 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</p> <p>2. Nghị quyết số 06/NQ-VNBC ngày 22/7/2016 về việc: Phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 36: Cung cấp và lắp đặt trạm phát điện Diesel (giai đoạn 1, 01 máy 2500 kVA kèm theo hệ thống đóng cắt) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</p> <p>3. Nghị quyết số 07/NQ-VNBC ngày 22/7/2016 về việc: Bỏ nhiệm cán bộ.</p>
10	Phiên họp thứ 10 ngày 02/08/2016	1. Quyết định số 2989/QĐ-VNBC ngày 4/8/2016 về việc: Bỏ nhiệm chức vụ PGĐ Công ty.
11	Phiên họp thứ 11 ngày 15/08/2016	<p>1. Nghị quyết số 08/NQ-VNBC ngày 15/8/2016 về việc: Phê duyệt TKBVTC-DT hạng mục: Sân ga và hầm trạm - 350; khai thông mức - 350 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</p> <p>2. Quyết định số 3174/QĐ-VNBC ngày 15/8/2016 về việc: Ban hành Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng Công ty;</p> <p>3. Quyết định số 3175/QĐ-VNBC ngày 15/8/2016 về việc: Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT;</p> <p>4. Quyết định số 3176/QĐ-VNBC ngày 15/8/2016 về việc: Bỏ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ than hầm lò Núi Béo;</p> <p>5. Quyết định số 3188/QĐ-VNBC ngày 16/8/2016 về việc: Phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn II thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</p>
12	Phiên họp thứ 12 ngày 09/9/2016	<p>1. Quyết định số 3492/QĐ-VNBC ngày 9/9/2016 về việc: Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Anh Phiệt đi Mỹ);</p> <p>2. Nghị quyết số 09NQ-VNBC ngày 09/09/2016 về công tác cán bộ.</p>
13	Phiên họp thứ 13 ngày 10/10/2016	<p>1. Nghị quyết số 10/NQ-VNBC ngày 10/10/2016 về việc giám sát quản lý điều hành và ban hành kế hoạch SXKD quý IV/2016;</p> <p>2. Nghị quyết số 11/NQ-VNBC ngày 10/10/2016 về việc: Ủy quyền thực hiện các khoản vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường.</p>
14	Phiên họp thứ	1. Quyết định số 4586/QĐ-VNBC ngày 14/11/2016 về việc:

STT	Phiên họp	Các văn bản của HĐQT, Thường trực HĐQT thông qua
	14 ngày 14/11/2016	Điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2016; 2. Quyết định số 4617/QĐ-VNBC ngày 14/11/2016 về việc: Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn II (lần 2) Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
15	Phiên họp thứ 15 ngày 20/12/2016	1. Kế hoạch số 5214/KH-VNBC ngày 28/12/2016 về việc tổ chức Đại hội cổ đông năm 2017; 2. Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 20/12/2016 về việc tổ chức sản xuất và tổ chức cán bộ năm 2017; 3. Nghị quyết số 13/NQ-VNBC ngày 20/12/2016 về việc: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020.
16	Phiên họp thứ 16 ngày 14/10/2016	1. Nghị quyết số 14/NQ-VNBC ngày 28/12/2016 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty và phê duyệt kế hoạch SXKD của Công ty năm 2017; 2. Quyết định số 5217/QĐ-VNBC ngày 28/12/2016 về việc: Phê duyệt định mức tiêu hao nhiên vật liệu, điện năng 2017.

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban của HĐQT: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và không có sự thay đổi nhân sự trong năm.

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Ghi chú
1	Chu Duy Hải	Người đại diện phần vốn TKV giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát	0	
2	Nguyễn Tiến Nhung	Người đại diện TKV giữ chức vụ UV BKS	6.061	
3	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên BKS	2.118	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2016, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2016: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	267,2		267,2	
2	Ban Kiểm soát	3	382,0	262,8	119,2	
3	Ban Giám đốc	6	2381,4	2.381,4		
	Tổng số	14	3.030,6	2.644,2	386,4	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2016 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến của kiểm toán (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 355/2017/BC.KTTC-AASC.QN ngày 07/03/2017 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là : (www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- VP – CNTT (đăng Website Công ty);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- Lưu: Văn thư, BKS, HĐQT (3).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
UV HĐQT**



**GIÁM ĐỐC
Ngô Thế Phiệt**